



15
A

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103005552	ngày 15 tháng 11 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4103005552	ngày 14 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán số	23/UBCK-GPHĐKD	ngày 1 tháng 12 năm 2006
	869/QĐ-UBCK	ngày 29 tháng 12 năm 2006
	86/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 2 tháng 11 năm 2007
	153/UBCK-GP	ngày 5 tháng 9 năm 2008
	730/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2008
	185/UBCK-GP	ngày 23 tháng 1 năm 2009
	234/UBCK-GP	ngày 28 tháng 4 năm 2009
	293/UBCK-GP	ngày 12 tháng 1 năm 2010
	20/UBCK-GP	ngày 25 tháng 3 năm 2011
	77/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 4 năm 2012
	92/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 6 năm 2012
	114/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 11 năm 2012
	32/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 6 năm 2015
544/QĐ-UBCK	ngày 26 tháng 6 năm 2015	

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Ting Kwang - Chin Albert	Chủ tịch
	Ông Ho Feng Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Chiu Hsien - Chih	Thành viên
	Bà Nguyễn Hồng Mai	Thành viên
	Ông Chang Hsiao - Wei Harvey	Thành viên (đến ngày 19 tháng 11 năm 2015)

Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Trưởng ban
	Ông Lii San Rong	Thành viên
	Bà Kuo Chih - Chia	Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2015)
	Ông Liu Che Chien	Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc	Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 23 tháng 7 năm 2015)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Lầu 4, CR3-04B
109 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam
157 Võ Thị Sáu
Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, Tòa nhà E-Town 2
364 Cộng Hòa
Phường 13, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex
19 Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám Đốc

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính có trình bày là vào ngày 16 tháng 12 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho phương án hợp nhất kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”) được thông qua tại Đại hội cổ đông bất thường của Công ty ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Đại hội cổ đông bất thường của ATS ngày 19 tháng 11 năm 2015. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, vào ngày 20 tháng 1 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK cho một công ty mới với tên gọi là “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng” trên cơ sở công ty mới này kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty và ATS và Công ty và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng việc hợp nhất kinh doanh này không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 15-01-207



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		763.438.850.972	472.405.511.203
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	105.620.272.422	89.687.678.059
Tiền	111		47.951.551.851	47.387.678.059
Các khoản tương đương tiền	112		57.668.720.571	42.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	77.121.950.136	53.023.983.356
Đầu tư ngắn hạn	121		77.125.250.235	53.027.189.956
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.300.099)	(3.206.600)
Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		579.887.283.315	329.097.146.136
Trả trước cho người bán	132		177.000.000	143.400.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	587.843.086.380	344.406.945.719
Các khoản phải thu khác	138	9	10.366.651.965	3.436.477.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(18.499.455.030)	(18.889.677.076)
Tài sản ngắn hạn khác	150		809.345.099	596.703.652
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		749.345.099	551.703.652
Tài sản ngắn hạn khác	158		60.000.000	45.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200 = 220 + 260)	200		21.356.134.885	25.366.969.890
Tài sản cố định	220		8.597.949.141	17.293.240.777
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.713.089.042	6.943.499.497
<i>Nguyên giá</i>	222		19.458.860.630	26.149.298.626
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.745.771.588)	(19.205.799.129)
Tài sản cố định vô hình	227	12	6.884.860.099	7.248.472.280
<i>Nguyên giá</i>	228		8.207.038.400	25.304.762.825
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.322.178.301)	(18.056.290.545)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	-	3.101.269.000
Tài sản dài hạn khác	260		12.758.185.744	8.073.729.113
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	4.649.387.970	958.034.041
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	15	6.888.992.850	5.028.904.628
Tài sản dài hạn khác	268	16	1.219.804.924	2.086.790.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		784.794.985.857	497.772.481.093
(270 = 100 + 200)				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		616.815.179.296	314.806.125.729
Nợ ngắn hạn	310		616.405.300.129	314.434.575.729
Vay ngắn hạn	311	17	483.900.000.000	166.000.000.000
Phải trả người bán	312		11.115.862	15.482.015
Người mua trả tiền trước	313		165.512.000	50.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	705.477.880	937.003.675
Chi phí phải trả	316	19	6.763.269.725	5.432.732.775
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	20	446.349.178	488.851.477
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	21	124.401.053.173	141.508.168.432
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		12.522.311	2.337.355
Nợ dài hạn	330		409.879.167	371.550.000
Dự phòng - dài hạn	337		409.879.167	371.550.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		167.979.806.561	182.966.355.364
Vốn chủ sở hữu	410		167.979.806.561	182.966.355.364
Vốn cổ phần	411	22	347.450.000.000	347.450.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	417	23	2.033.547.307	2.033.547.307
Lỗi lũy kế	420		(181.503.740.746)	(166.517.191.943)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		784.794.985.857	497.772.481.093

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	1.408.681.460.000	1.194.071.770.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	583.483.360.000	963.825.220.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	30.450.000	10.760.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	540.815.830.000	924.245.760.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	42.637.080.000	39.568.700.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	3.702.450.000	774.170.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	3.702.450.000	774.170.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	91.708.670.000	80.911.740.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	91.645.670.000	80.857.640.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	63.000.000	54.100.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	642.830.000	262.250.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	40.000	20.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	541.280.000	148.110.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	101.510.000	114.120.000
6.8 <i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	729.144.150.000	148.298.390.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	729.144.150.000	148.298.390.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	391.982.290.000	373.478.940.000
Trong đó:			
7.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	051	391.294.290.000	373.427.240.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	7.010.000	8.010.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	221.133.600.000	203.360.280.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	170.153.680.000	170.058.950.000
7.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056	35.000.000	15.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	35.000.000	15.000.000
7.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071	653.000.000	36.700.000
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	653.000.000	36.700.000

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Giám sát Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu	01		81.449.951.885	76.457.318.004
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		27.019.338.234	32.959.724.066
Doanh thu hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán	01.2		78.191.620	482.259.840
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		202.871.508	239.863.636
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		623.080.923	570.218.271
Doanh thu khác	01.9	24	53.526.469.600	42.205.252.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		81.449.951.885	76.457.318.004
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	25	57.292.575.176	47.479.124.999
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		24.157.376.709	28.978.193.005
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	32.930.357.027	26.069.238.602
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(8.772.980.318)	2.908.954.403
Thu nhập khác	31		53.228.339	888.967.244
Chi phí khác	32	27	6.266.796.824	9.836.695
Lỗ/(lợi nhuận) khác (40 = 31 - 32)	40		(6.213.568.485)	879.130.549
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(14.986.548.803)	3.788.084.952
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(14.986.548.803)	3.788.084.952
Lãi trên cổ phiếu	70			
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu		29	(431)	109

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Giám sát Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(14.986.548.803)	3.788.084.952
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	6.495.542.312	9.101.334.599
Các khoản dự phòng	03	(341.799.380)	(10.470.512.742)
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	6.078.376.824	-
Thu nhập lãi	05	(46.368.676.521)	(33.113.567.183)
Chi phí lãi	06	25.402.801.624	12.300.695.299
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(23.720.303.944)	(18.393.965.075)
Biến động chứng khoán thương mại, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(243.606.382.440)	(126.063.679.946)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(17.358.563.010)	34.884.215.783
Biến động các khoản trả trước, ký quỹ và tài sản dài hạn khác	12	(4.882.098.078)	922.940.489
		(289.567.347.472)	(108.650.488.749)
Tiền lãi đã trả	13	(23.983.514.214)	(10.703.237.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(313.550.861.686)	(119.353.726.095)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3.917.047.500)	(4.002.288.760)
Tiền thu từ bán thanh lý tài sản cố định	22	38.420.000	-
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(24.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	39.462.083.549	32.703.968.862
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	11.583.456.049	24.701.680.102

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.911.738.423.269	1.384.396.406.686
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.593.838.423.269)	(1.300.096.406.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	317.900.000.000	84.300.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	15.932.594.363	(10.352.045.993)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	89.687.678.059	100.039.724.052
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 5)	70	105.620.272.422	89.687.678.059

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Giám sát Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Mẫu B 05 - CTCK**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	347.450.000.000	2.033.547.307	(170.305.276.895)	179.178.270.412
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.788.084.952	3.788.084.952
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	347.450.000.000	2.033.547.307	(166.517.191.943)	182.966.355.364
Lỗ thuần trong năm	-	-	(14.986.548.803)	(14.986.548.803)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	347.450.000.000	2.033.547.307	(181.503.740.746)	167.979.806.561

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Giám sát Kế toán

Người soát xét:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 131 nhân viên (31/12/2014: 130 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(c) Giả định hoạt động liên tục

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho phương án hợp nhất kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”) được thông qua tại Đại hội cổ đông bất thường của Công ty ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Đại hội cổ đông bất thường của ATS ngày 19 tháng 11 năm 2015. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, vào ngày 20 tháng 1 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK cho một công ty mới với tên gọi là “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng” trên cơ sở công ty mới này kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty và ATS và Công ty và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng việc hợp nhất kinh doanh này không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đó về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh 4(a) về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại các ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Chứng khoán thương mại

(i) Phân loại

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán thương mại.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán thương mại đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các giá giao dịch gần nhất từ ba công ty chứng khoán nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán thương mại này đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán thương mại này.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| ▪ chi phí nâng cấp văn phòng | 5 - 7 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
-

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 7 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ và dụng cụ và các chi phí thiết kế web, chi phí bảo trì và phát triển phần mềm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán được yêu cầu trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế sau khi bù đắp các khoản lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(iii) Doanh thu từ vốn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày báo cáo. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

(p) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chịu ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Báo cáo bộ phận của Công ty được dựa trên những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.468.418	17.476.068
Tiền gửi ngân hàng	47.948.083.433	47.370.201.991
Các khoản tương đương tiền	57.668.720.571	42.300.000.000
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư</i>	<i>47.099.865.520</i>	<i>45.460.110.153</i>
	105.620.272.422	89.687.678.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014, Công ty không có tiền và các khoản tương đương tiền khác VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản tiền và tương đương tiền trị giá 57.668.720.571 VND (31/12/2014: Không) được cầm cố với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

6. Giá trị và khối lượng các giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng các giao dịch thực hiện		Giá trị các giao dịch thực hiện	
	2015	2014	2015 VND	2014 VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	191.842	588.758	6.010.397.400	13.397.402.080
Trái phiếu	-	68.000	-	6.707.452.000
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	1.082.533.592	1.263.727.909	15.285.356.895.200	16.763.171.556.280
Trái phiếu	28.000.000	68.000	2.821.281.000.000	6.707.452.000
Các chứng khoán khác	13.480	8.850	127.446.000	85.705.000
	1.110.738.914	1.264.461.517	18.112.775.738.600	16.790.069.567.360



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết của các khoản đầu tư do Công ty nắm giữ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		So với giá thị trường				Giá trị thị trường	
	Cuối năm Cổ phiếu/Trái phiếu	Đầu năm	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Tăng Cuối năm VND	(Giảm) Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư ngắn hạn	3.746	1.877	77.125.250.235	53.027.189.956	7.863.600	6.560.441	(3.300.099)	(3.206.600)	77.129.813.736	53.030.543.797
Chứng khoán thương mại - cổ phiếu niêm yết	3.283	1.472	119.019.499	21.438.459	7.863.600	6.560.441	(3.300.099)	(3.206.600)	123.583.000	24.792.300
MWG	1.008	-	79.426.600	-	-	-	(298.600)	-	79.128.000	-
DXG	1.002	9	19.425.884	89.333	-	36.667	(488.084)	-	18.937.800	126.000
NGC	46	28	491.240	491.240	-	172.360	(100.240)	-	391.000	663.600
VTA	75	275	499.790	1.832.565	2.710	-	-	(127.565)	502.500	1.705.000
Các cổ phiếu khác	1.152	1.160	19.175.985	19.025.321	7.860.890	6.351.414	(2.413.175)	(3.079.035)	24.623.700	22.297.700
Chứng khoán thương mại- cổ phiếu chưa niêm yết	463	405	6.230.736	5.751.497	-	-	-	-	6.230.736	5.751.497
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	N/A	N/A	77.000.000.000	53.000.000.000	-	-	-	-	77.000.000.000	53.000.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 67.000.000.000 VND (31/12/2014: Không) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.206.600	6.346.691
Tăng dự phòng trong năm	93.499	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.140.091)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.300.099	3.206.600

8. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (i)	25.344.850.385	55.069.831.636
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (ii)	31.800.080.094	33.231.524.660
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (iii)	515.557.295.155	223.141.927.564
Phải thu từ các Sở Giao dịch Chứng khoán	14.590.483.250	32.391.177.750
Phải thu khác	550.377.496	572.484.109
	<hr/>	<hr/>
	587.843.086.380	344.406.945.719

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,042% (31/12/2014: từ 0,036% đến 0,042%) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 3 ngày.
- (ii) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán xảy ra trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- (iii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc từ 10 ngày đến 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,045% (31/12/2014: từ 0,036% đến 0,042%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 60%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

9. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi phải thu	9.842.620.465	2.936.027.493
Phải thu khác	524.031.500	500.450.000
	<hr/>	<hr/>
	10.366.651.965	3.436.477.493
	<hr/>	<hr/>

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	18.889.677.076	41.494.988.154
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(390.222.046)	(10.467.372.651)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(12.137.938.427)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.499.455.030	18.889.677.076
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình

2015	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.061.263.702	18.088.034.924	26.149.298.626
Tăng trong năm	-	214.769.500	214.769.500
Thanh lý	-	(578.052.612)	(578.052.612)
Xóa sổ	(6.327.154.884)	-	(6.327.154.884)
Số dư cuối năm	1.734.108.818	17.724.751.812	19.458.860.630
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.972.922.926	15.232.876.203	19.205.799.129
Khấu hao trong năm	1.183.969.558	1.816.882.175	3.000.851.733
Thanh lý	-	(578.052.612)	(578.052.612)
Xóa sổ	(3.882.826.662)	-	(3.882.826.662)
Số dư cuối năm	1.274.065.822	16.471.705.766	17.745.771.588
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.088.340.776	2.855.158.721	6.943.499.497
Số dư cuối năm	460.042.996	1.253.046.046	1.713.089.042

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2014	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.061.263.702	17.547.079.564	25.608.343.266
Tăng trong năm	-	540.955.360	540.955.360
Số dư cuối năm	8.061.263.702	18.088.034.924	26.149.298.626
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.360.670.186	12.276.145.764	14.636.815.950
Khấu hao trong năm	1.612.252.740	2.956.730.439	4.568.983.179
Số dư cuối năm	3.972.922.926	15.232.876.203	19.205.799.129
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.700.593.516	5.270.933.800	10.971.527.316
Số dư cuối năm	4.088.340.776	2.855.158.721	6.943.499.497

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 13.877.003.675 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 4.245.115.775 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015	2014
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	25.304.762.825	24.862.698.425
Tăng trong năm	1.814.953.000	360.064.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.988.594.000	82.000.000
Xóa sổ	(23.901.271.425)	-
Số dư cuối năm	8.207.038.400	25.304.762.825
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	18.056.290.545	13.523.939.125
Phân bổ trong năm	3.494.690.579	4.532.351.420
Xóa sổ	(20.228.802.823)	-
Số dư cuối năm	1.322.178.301	18.056.290.545
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	7.248.472.280	11.338.759.300
Số dư cuối năm	6.884.860.099	7.248.472.280

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình không có các tài sản đã được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 1.905.138.000 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phần mềm máy vi tính cho hoạt động giao dịch chứng khoán	-	3.101.269.000
	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.101.269.000	82.000.000
Tăng trong năm	3.759.922.714	3.101.269.000
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(4.988.594.000)	(82.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.872.597.714)	-
Số dư cuối năm	-	3.101.269.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	958.034.041	2.253.712.393
Tăng trong năm	3.111.027.826	42.856.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.872.597.714	-
Phân bổ trong năm	(1.292.271.611)	(1.338.534.752)
Số dư cuối năm	4.649.387.970	958.034.041

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	6.888.992.850	5.028.904.628

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	5.028.904.628	4.214.949.189
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.380.030.331	325.281.619
Tiền lãi nhận được trong năm	480.057.891	488.673.820
Số dư cuối năm	<u>6.888.992.850</u>	<u>5.028.904.628</u>

16. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	<u>1.219.804.924</u>	<u>2.086.790.444</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

17. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm 1/1/2015 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Số dư cuối năm 31/12/2015 VND
Các khoản vay ngắn hạn từ					
▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (i)	7,5%	-	460.138.423.269	(435.838.423.269)	24.300.000.000
▪ Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,0%	-	40.000.000.000	(30.000.000.000)	10.000.000.000
▪ Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai (i)	7,7%-8,2%	-	153.500.000.000	(123.500.000.000)	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM (i)	5,8%-8,6%	-	629.100.000.000	(590.500.000.000)	38.600.000.000
▪ Ngân hàng CTBC – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,5%	-	65.000.000.000	(45.000.000.000)	20.000.000.000
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,0%	-	30.000.000.000	(20.000.000.000)	10.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM (i)	5,2%-6,9%	-	40.000.000.000	(25.000.000.000)	15.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam)	8,5%	42.000.000.000	84.000.000.000	(42.000.000.000)	84.000.000.000
▪ Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	9,2%-10,2%	59.000.000.000	124.000.000.000	(89.000.000.000)	94.000.000.000
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập	9,2%-10,2%	65.000.000.000	101.000.000.000	(68.000.000.000)	98.000.000.000
▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai (i)	6,3%-7,3%	-	90.000.000.000	(60.000.000.000)	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Indovina Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)	5,2%-5,5%	-	90.000.000.000	(60.000.000.000)	30.000.000.000
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế Vượng	10,0%	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
		166.000.000.000	1.911.738.423.269	(1.593.838.423.269)	483.900.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền là 57.668.720.571 VND và tiền gửi có kỳ hạn là 67.000.000.000 VND (31/12/2014: Không) (Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 7).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm 1/1/2014 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Số dư cuối năm 31/12/2014 VND
Các khoản vay ngắn hạn từ					
▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6,5%-9,5%	-	440.616.406.686	(440.616.406.686)	-
▪ Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Chi nhánh TP. HCM	7,0%	-	19.000.000.000	(19.000.000.000)	-
▪ Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai	8,5%-10,5%	14.700.000.000	42.000.000.000	(56.700.000.000)	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM	6,2%-11,0%	37.000.000.000	607.780.000.000	(644.780.000.000)	-
▪ Ngân hàng CTBC – Chi nhánh TP. HCM	7,0%	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh TP. HCM	7,0%	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM	5,5%-5,7%	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
▪ Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam)	8,5%	-	42.000.000.000	-	42.000.000.000
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quang Huy)	9,0%	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
▪ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	10,0%	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
▪ Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	10,0%-10,2%	-	98.000.000.000	(39.000.000.000)	59.000.000.000
▪ Công ty TNHH Truyền thông Thế Sáng	10,0%	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập	10,2%	-	65.000.000.000	-	65.000.000.000
		81.700.000.000	1.384.396.406.686	(1.300.096.406.686)	166.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.011.502	2.850.000
Thuế thu nhập cá nhân	688.466.378	934.153.675
	<hr/> 705.477.880	<hr/> 937.003.675

19. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên	2.113.245.425	1.362.434.521
Phí tư vấn	82.095.905	618.171.070
Chi phí giao dịch chứng khoán	447.274.371	556.150.265
Chi phí lãi	3.255.317.412	1.836.030.002
Các chi phí khác	865.336.612	1.059.946.917
	<hr/> 6.763.269.725	<hr/> 5.432.732.775

20. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phải trả	335.208.773	376.665.315
Phải trả khác	111.140.405	112.186.162
	<hr/> 446.349.178	<hr/> 488.851.477

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư	87.977.804.500	99.155.035.200
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư (i)	36.312.051.728	42.353.133.232
Phải trả khác	111.196.945	-
	124.401.053.173	141.508.168.432

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư. Khoản tiền gửi này chịu lãi suất năm là 0,25% (31/12/2014: 0,5%).

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	34.745.000	347.450.000.000	34.745.000	347.450.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	34.745.000	347.450.000.000	34.745.000	347.450.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	34.745.000	347.450.000.000	34.745.000	347.450.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. Tất cả các cổ phiếu đã bị hủy niêm yết tự nguyện trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) từ ngày 10 tháng 1 năm 2014.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

23. Các quỹ dự trữ bắt buộc

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	2.033.547.307	2.033.547.307

Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc vì Công ty có phát sinh lỗ trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

24. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	7.727.730.055	9.841.787.270
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	38.420.601.959	22.981.310.621
Khoản phí từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	6.342.470.024	8.208.925.732
Khác	1.035.667.562	1.173.228.568
	53.526.469.600	42.205.252.191

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Chi phí môi giới chứng khoán	5.053.152.662	5.554.433.002
Tặng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	93.499	(3.140.091)
Chi phí giao dịch chứng khoán	58.854.391	136.342.368
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.048.919.633	984.864.701
Chi phí nhân viên trực tiếp	9.775.624.706	9.306.241.249
Chi phí hoa hồng bán chứng khoán	8.777.178.177	9.806.956.910
Chi phí công cụ và dụng cụ	370.897.852	639.626.099
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	665.571.015	1.065.052.431
Chi phí thuê văn phòng	4.285.810.170	4.977.831.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.676.457.874	2.530.719.018
Chi phí lãi cho tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư	94.242.132	107.605.700
Chi phí lãi vay	25.308.559.492	12.193.089.599
Chi phí khác	177.213.573	179.502.053
	57.292.575.176	47.479.124.999

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Chi phí nhân viên	14.769.754.886	12.862.347.628
Chi phí thuê văn phòng	3.853.731.835	4.605.433.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.101.441.595	9.299.315.208
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	5.829.971.297	8.036.282.168
Thuế và lệ phí	37.006.525	(71.690.365)
Xóa sổ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	425.254.764
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(390.222.046)	(10.467.372.651)
Chi phí khác	1.728.672.935	1.379.667.926
	<hr/>	<hr/>
	32.930.357.027	26.069.238.602
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí khác

	2015	2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định được xóa sổ	6.116.796.824	-
Chi phí khác	150.000.000	9.836.695
	<hr/>	<hr/>
	6.266.796.824	9.836.695
	<hr/>	<hr/>

28. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.986.548.803)	3.788.084.952
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	(3.297.040.737)	833.378.689
Chi phí không được khấu trừ thuế	154.081.993	150.719.359
Thu nhập không bị tính thuế	(1.733.281)	(1.537.543)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.144.692.025	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(982.560.505)
	<hr/>	<hr/>
	-	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 do thay đổi trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(c) Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm như sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	40.412.626.961
2017	Chưa quyết toán	99.701.798.088
2018	Chưa quyết toán	21.210.897.738
2020	Chưa quyết toán	14.294.054.657
		175.619.377.444

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

29. Lãi trên cổ phiếu

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 14.986.548.803 VND (2014: lợi nhuận là 3.788.084.952 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 34.745.000 cổ phiếu (2014: 34.745.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND	2014 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(14.986.548.803)	3.788.084.952

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015 Cổ phiếu	2014 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	34.745.000	34.745.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12	34.745.000	34.745.000

(iii) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(431)	109

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập - cổ đông lớn		
Vay	101.000.000.000	65.000.000.000
Thanh toán các khoản vay	68.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	7.629.811.839	4.880.420.116
Phí tư vấn phải trả	200.000.000	2.400.000.000
Phí lưu ký	10.823.998	9.976.664
Phí tư vấn phát hành trái phiếu	129.662.500	116.187.500
Nhận tiền gửi	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quang Huy) - cổ đông lớn		
Thanh toán các khoản vay	-	30.000.000.000
Phí lưu ký	29.309.634	27.015.193
Chi phí lãi vay	2.046	787.500.000
Nhận tiền gửi	-	49.174.662
Phu Hung Far East Holding Corporation - cổ đông lớn		
Phí lưu ký	85.140.000	78.475.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh - cổ đông lớn		
Nhận tiền gửi	-	1.864.663.609
Chi phí lãi vay	-	150.091
Phí lưu ký	10.770.142	8.355.082
Phí môi giới	-	11.004.000
Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam) – công ty liên quan		
Vay	84.000.000.000	42.000.000.000
Thanh toán các khoản vay	42.000.000.000	-
Phí lưu ký	3.130.079	2.881.488
Chi phí lãi vay	6.019.416.670	366.916.667
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng - công ty liên quan		
Vay	-	30.000.000.000
Thanh toán các khoản vay	-	30.000.000.000
Chi phí thuê	-	190.000.000
Nhận tiền gửi	-	38.000.000
Chi phí lãi vay	471.331	308.694.658
Phí lưu ký	6.868.131	6.392.516
Thu phí môi giới	-	1.415.496
Phí quản lý danh sách cổ đông	100.000.000	60.000.000
Thù lao của các Thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các khoản phụ cấp	1.880.133.854	1.553.144.802

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

31. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2015			Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2015			Số dự phòng đã lập VND
	Tổng VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tổng VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	135.985.753	(135.985.753)	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	143.400.000	-	-	399.880.850	(366.280.850)	177.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	344.406.945.719	33.231.524.660	33.231.524.660	10.288.087.210.185	(10.044.651.069.524)	587.843.086.380	31.800.080.094	31.800.080.094	18.499.455.030
4. Phải thu khác	3.436.477.493	-	-	74.046.137.884	(67.115.963.412)	10.366.651.965	-	-	-
	347.986.823.212	33.231.524.660	33.231.524.660	10.362.669.214.672	(10.112.269.299.539)	598.386.738.345	31.800.080.094	31.800.080.094	18.499.455.030

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

32. Thông tin báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	27.415.497.625	78.191.620	52.735.194.648	1.221.067.992	81.449.951.885
2. Chi phí trực tiếp	(28.939.222.912)	(725.158.603)	(58.836.263.937)	(1.883.669.810)	(90.384.315.262)
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	(659.928.974)	(6.366.153)	(5.822.881.032)	(6.366.153)	(6.495.542.312)
4. Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	390.222.046	-	390.222.046
5. Tăng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(93.499)	-	-	(93.499)
6. Thu nhập khác	-	-	-	53.228.339	53.228.339
Lỗ kế toán trước thuế	(2.183.654.261)	(653.426.635)	(11.533.728.275)	(615.739.632)	(14.986.548.803)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015					
1. Tài sản bộ phận	22.930.651.056	132.435.237	761.309.860.790	422.038.774	784.794.985.857
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	22.930.651.056	132.435.237	761.309.860.790	422.038.774	784.794.985.857
1. Nợ phải trả bộ phận	1.899.350.084	55.319.487	614.676.219.194	184.290.531	616.815.179.296
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.899.350.084	55.319.487	614.676.219.194	184.290.531	616.815.179.296

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014					
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	32.959.724.066	482.259.840	41.529.426.855	1.485.907.243	76.457.318.004
2. Chi phí trực tiếp	(30.038.973.637)	(966.407.832)	(41.747.481.036)	(1.749.261.170)	(74.502.123.675)
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	(882.240.080)	(18.228.101)	(8.191.970.637)	(8.895.781)	(9.101.334.599)
4. Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	10.467.372.651	-	10.467.372.651
5. Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	3.140.091	-	-	3.140.091
6. Xóa sổ các khoản phải thu khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và phí phải thu liên quan	-	-	(425.254.764)	-	(425.254.764)
7. Thu nhập khác	-	-	582.260.823	306.706.421	888.967.244
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	2.038.510.349	(499.236.002)	2.214.353.892	34.456.713	3.788.084.952
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
1. Tài sản bộ phận	34.839.504.211	31.450.893	457.070.460.542	5.831.065.447	497.772.481.093
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	34.839.504.211	31.450.893	457.070.460.542	5.831.065.447	497.772.481.093
1. Nợ phải trả bộ phận	1.955.601.447	49.549.350	312.650.969.502	150.005.430	314.806.125.729
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.955.601.447	49.549.350	312.650.969.502	150.005.430	314.806.125.729

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

33. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	5.727.458.788	4.753.671.770
Từ hai đến năm năm	12.682.743.008	2.185.595.940
	18.410.201.796	6.939.267.710

34. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK cho một công ty mới với tên gọi là “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng” trên cơ sở công ty mới này kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty và ATS và Công ty và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016.

35. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí hoạt động kinh doanh	47.479.124.999	50.380.121.486
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.069.238.602	23.168.242.115

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:


 Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Giám sát Kế toán

Người soát xét:


 Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ông Chen Chia Ken
 Tổng Giám đốc

